

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH YÊN BÁI

Số: 62 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Yên Bái, ngày 12 tháng 01 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong các lĩnh vực: Đất đai; Tài nguyên nước; Môi trường thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tỉnh Yên Bái

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 51/2023/NQ-UBND của HĐND ngày 05/10/2023 của UBND tỉnh Yên Bái về việc Quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 613/TTr-STNMT ngày 11/12/2023.

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong các lĩnh vực: Đất đai; Tài nguyên nước; Môi trường thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tỉnh Yên Bái.

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VP Chính phủ);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó CT UBND tỉnh Ngô Hạnh Phúc;
- Phó Chánh VPUBND tỉnh (NC);
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Trung tâm Điều hành thông minh tỉnh;
- Lưu: VT, NC.



KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Hạnh Phúc



## DANH MỤC

THU TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG CÁC LĨNH VỰC: ĐẤT ĐAI; TÀI NGUYÊN NƯỚC;  
MÔI TRƯỜNG THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH YÊN BÁI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

### I. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1.	1.002253	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (Đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực dự án vì mục đích quốc phòng an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng thì nộp hồ sơ xin giao đất, thuê đất trong thời gian thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được	<ul style="list-style-type: none"><li>- Các xã, phường thuộc thành phố Yên Bái, các phường thuộc thị xã Nghĩa Lộ và các thị trấn thuộc huyện: 20 ngày làm việc;</li><li>- Tại các xã còn lại: 30 ngày làm việc</li></ul>	Nộp hồ sơ trực tiếp: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái Số 64, đường Lý Tự Trọng, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	<b>Phí:</b> <i>Phí thẩm định hồ sơ khoản 7, Điều 2 Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái</i>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;</li><li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</li><li>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</li><li>- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;</li><li>- Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh Yên Bái ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai</li></ul>

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		phê duyệt mà không phải chờ đến khi hoàn thành việc giải phóng mặt bằng)				<p>ngày 29 tháng 11 năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 và Nghị định số 148/2020 ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai ban hành kèm theo Quyết định số 15/2021/NĐ-CP ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban</p>

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						<p><i>nhân dân tỉnh Yên Bái;</i></p> <p><i>- Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</i></p>
2	1.002040	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (Đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực dự án vì mục đích quốc phòng an ninh; phát triển kinh tế - xã	<p>- Các xã, phường thuộc thành phố Yên Bái, các phường thuộc thị xã Nghĩa Lộ và các thị trấn thuộc huyện: 20 ngày làm việc;</p> <p>- Tại các xã còn lại: 30 ngày làm việc</p>	Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái Số 64, đường Lý Tự Trọng, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	<p><i>Phí thẩm định hồ sơ khoản 7, Điều 2 Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái</i></p>	<p>- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;</p> <p>- Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh Yên Bái ban hành</p>

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>hội vì lợi ích quốc gia, công cộng thì nộp hồ sơ xin giao đất, thuê đất trong thời gian thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt mà không phải chờ đến khi hoàn thành việc giải phóng mặt bằng)</p>				<p>quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 và Nghị định số 148/2020 ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai ban hành kèm theo Quyết định số</p>

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						15/2021/NĐ-CP ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái; - Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

## II. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	1.000824	<b>Cấp lại giấy phép tài nguyên nước</b>				
1	1.000824	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất/khai thác, sử dụng nước dưới đất	16 ngày làm việc	Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái Số 64, đường Lý Tự Trọng, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, qua một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Dịch vụ bưu chính công ích; - Trực tuyến trên Cổng	<b>Phí thẩm định:</b> <i>Khoản 8 Điều 2 Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái.</i> + Đối với đề án thiết kế giếng có lưu lượng nước dưới 200 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 126.000 đồng/l đề án. + Đối với đề án, báo cáo thăm dò, khai thác có lưu lượng nước từ 200 m <sup>3</sup> đến dưới 500 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 345.000 đồng/l đề án, báo	- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi

				<p>Dịch vụ công tỉnh Yên Bái tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.yenbai.gov.vn">https://dichvucong.yenbai.gov.vn</a></p>	<p>cáo.</p> <p>+ Đối với đề án, báo cáo thăm dò, khai thác có lưu lượng nước từ 500 m<sup>3</sup> đến dưới 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 816.000 đồng/1 đề án, báo cáo.</p> <p>+ Đối với đề án, báo cáo thăm dò, khai thác có lưu lượng nước từ 1.000 m<sup>3</sup> đến dưới 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 1.567.500 đồng/1 đề án, báo cáo.</p>	<p>trường;</p> <p>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>
2	1.000824	Cấp lại giấy phép khai thác sử dụng nước mặt	16 ngày làm việc	<p>Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái Số 64, đường Lý Tự Trọng, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, qua một trong các hình thức sau:</p> <p>- Trực tiếp;</p> <p>- Dịch vụ bưu chính công ích;</p> <p>- Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Yên Bái tại địa chỉ:</p>	<p><b>Phí thăm định:</b></p> <p>Khoản 8 Điều 2 Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái.</p> <p>Mức thu phí như sau:</p> <p>- Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng dưới 0,1m<sup>3</sup>/giờ; hoặc để phát điện với công suất dưới 50kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 500m<sup>3</sup>/ngày đêm. Mức thu 189.000 đồng /1 đề án,</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2012;</p> <p>- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;</p> <p>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Nghị định số 136/2018/NĐ-</p>

				<p><a href="https://dichvucong.yenbai.gov.vn">https://dichvucong.yenbai.gov.vn</a></p> <p>báo cáo.</p> <p>- Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ <math>0,1m^3</math> đến dưới <math>0,5m^3</math>/giờ; hoặc để phát điện với công suất từ 50kw đến dưới 200kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ <math>500 m^3</math> đến dưới <math>3.000m^3</math>/ngày đêm. Mức thu 564.000 đồng/1 đề án, báo cáo.</p> <p>- Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ <math>0,5m^3</math> đến dưới <math>1m^3</math>/giờ; hoặc để phát điện với công suất từ 200kw đến dưới 1.000kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ <math>3.000m^3</math> đến dưới <math>20.000m^3</math>/ngày đêm. Mức thu 1.380.000 đồng/1 đề án, báo cáo.</p> <p>- Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ <math>1m^3</math> đến dưới <math>2m^3</math>/giờ; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000kw đến dưới 2.000kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ <math>20.000m^3</math> đến dưới <math>50.000m^3</math>/ngày đêm. Mức thu</p>	<p>CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái quy định một số loại phí, lệ phí tên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh</p>
--	--	--	--	---	---



					2.643.000 đồng/1 đề án, báo cáo.	
3	1.004232	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	36 ngày làm việc	<p>Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái Số 64, đường Lý Tự Trọng, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, qua một trong các hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Dịch vụ bưu chính công ích;</li> <li>- Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Yên Bái tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.yenbai.gov.vn">https://dichvucong.yenbai.gov.vn</a></li> </ul>	<p><b>Phí thăm định:</b></p> <p><i>Khoản 8 Điều 2 Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái. + Đối với đề án thiết kế giếng có lưu lượng nước dưới 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 420.000 đồng/1 đề án.</i></p> <p>+ Đối với đề án, báo cáo thăm dò, khai thác có lưu lượng nước từ 200 m<sup>3</sup> đến dưới 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 1.150.000 đồng/1 đề án, báo cáo.</p> <p>+ Đối với đề án, báo cáo thăm dò, khai thác có lưu lượng nước từ 500 m<sup>3</sup> đến dưới 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 2.720.000 đồng/1 đề án, báo cáo.</p> <p>+ Đối với đề án, báo cáo thăm dò, khai thác có lưu lượng nước từ 1.000 m<sup>3</sup> đến dưới 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 5.225.000 đồng/1 đề án, báo cáo.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tài nguyên nước năm 2012;</li> <li>- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;</li> <li>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</li> <li>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</li> <li>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</li> </ul>

						<p>-Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về việc cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất;</p> <p>-Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái quy định một số loại phí, lệ phí tên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>
4	1.004228	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày	31 ngày làm việc	Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái Số 64, đường Lý Tự Trọng, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, qua	<b>Phí thẩm định:</b> <i>Khoản 8 Điều 2 Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái. + Đối với đề án thiết kế giếng có lưu lượng nước</i>	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2012;</p> <p>- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật</p>

		đêm	<p>một trong các hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Dịch vụ bưu chính công ích;</li> <li>- Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Yên Bái tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.yenbai.gov.vn">https://dichvucong.yenbai.gov.vn</a></li> </ul>	<p>dưới 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 210.000 đồng/1 đề án.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đối với đề án, báo cáo thăm dò, khai thác có lưu lượng nước từ 200 m<sup>3</sup> đến dưới 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 575.000 đồng/1 đề án, báo cáo.</li> <li>+ Đối với đề án, báo cáo thăm dò, khai thác có lưu lượng nước từ 500 m<sup>3</sup> đến dưới 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 1.360.000 đồng/1 đề án, báo cáo.</li> <li>+ Đối với đề án, báo cáo thăm dò, khai thác có lưu lượng nước từ 1.000 m<sup>3</sup> đến dưới 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 2.612.500 đồng/1 đề án, báo cáo.</li> </ul>	<p>Tài nguyên nước;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</li> <li>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</li> <li>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</li> <li>- Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về việc cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất;</li> <li>- Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</li> </ul>
--	--	-----	--	--	--

						<p>trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh</p>
5	1.004223	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	36 ngày làm việc	<p>Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái Số 64, đường Lý Tự Trọng, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, qua một trong các hình thức sau:</p> <p>- Trực tiếp;</p> <p>- Dịch vụ bưu chính công ích;</p> <p>- Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Yên Bái tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.yenbai">https://dichvucong.yenbai</a></p>	<p><b>Phí thẩm định:</b></p> <p><i>Khoản 8 Điều 2 Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái. + Đối với đề án thiết kế giếng có lưu lượng nước dưới 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 420.000 đồng/1 đề án.</i></p> <p><i>+ Đối với đề án, báo cáo thăm dò, khai thác có lưu lượng nước từ 200 m<sup>3</sup> đến dưới 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 1.150.000 đồng/1 đề án, báo cáo.</i></p> <p><i>+ Đối với đề án, báo cáo thăm dò, khai thác có lưu lượng nước</i></p>	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2012;</p> <p>- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;</p> <p>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính</p>

				.gov.vn	<p>từ 500 m<sup>3</sup> đến dưới 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 2.720.000 đồng/1 đề án, báo cáo.</p> <p>+ Đối với đề án, báo cáo thăm dò, khai thác có lưu lượng nước từ 1.000 m<sup>3</sup> đến dưới 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 5.225.000 đồng/1 đề án, báo cáo.</p>	<p>phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về việc cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất;</p> <p>- Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày</p>
--	--	--	--	---------	---	---

						05/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái quy định một số loại phí, lệ phí tên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.
6	1.004211	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	31 ngày làm việc	Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái Số 64, đường Lý Tự Trọng, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, qua một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Dịch vụ bưu chính công ích; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Yên Bái tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.yenbai.gov.vn">https://dichvucong.yenbai.gov.vn</a>	<b>Phí thẩm định:</b> <i>Khoản 8 Điều 2 Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái.</i> + Đối với đề án thiết kế giếng có lưu lượng nước dưới 200 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 210.000 đồng/1 đề án. + Đối với đề án, báo cáo thăm dò, khai thác có lưu lượng nước từ 200 m <sup>3</sup> đến dưới 500 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 575.000 đồng/1 đề án, báo cáo. + Đối với đề án, báo cáo thăm dò, khai thác có lưu lượng nước từ 500 m <sup>3</sup> đến dưới 1.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 1.360.000 đồng/1 đề án, báo cáo. + Đối với đề án, báo cáo thăm dò, khai thác có lưu lượng nước từ 1.000 m <sup>3</sup> đến dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm: 2.612.500 đồng/1 đề án, báo cáo.	- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên

						<p>quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <p>-Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về việc cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất;</p> <p>-Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái quy định một số loại phí, lệ phí tên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>
7	1.004179	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất	36 ngày làm việc	Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái Số 64, đường	<b>Phí thẩm định:</b> <i>Khoản 10 Điều 2 Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày</i>	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2012;</p> <p>- Nghị định số 02/2023/NĐ-</p>

		<p>nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới <math>2\text{m}^3</math> /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu <math>\text{m}^3</math>, hoặc lưu lượng khai thác từ <math>2\text{m}^3</math>/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu <math>\text{m}^3</math>, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới <math>5\text{m}^3</math>/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 <math>\text{m}^3</math>/ngày đêm.</p>		<p>Lý Tự Trọng, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, qua một trong các hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Dịch vụ bưu chính công ích;</li> <li>- Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Yên Bái tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.yenbai.gov.vn">https://dichvucong.yenbai.gov.vn</a></li> </ul>	<p>05/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng dưới <math>0,1\text{m}^3</math>/giây; hoặc để phát điện với công suất dưới 50kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng dưới <math>500\text{m}^3</math>/ngày đêm. Mức thu 630.000 đồng /1 đề án, báo cáo.</li> <li>- Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ <math>0,1\text{m}^3</math> đến dưới <math>0,5\text{m}^3</math>/giây; hoặc để phát điện với công suất từ 50kw đến dưới 200kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ <math>500\text{m}^3</math> đến dưới <math>3.000\text{m}^3</math>/ngày đêm. Mức thu 1.880.000 đồng /1 đề án, báo cáo.</li> <li>- Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ <math>0,5\text{m}^3</math> đến dưới <math>1\text{m}^3</math>/giây; hoặc để phát điện với công suất từ 200kw đến dưới 1.000kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ <math>3.000\text{m}^3</math> đến dưới <math>20.000\text{m}^3</math>/ngày đêm. Mức thu</li> </ul>	<p>CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</li> <li>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</li> <li>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</li> <li>- Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh</li> </ul>
--	--	--	--	---	---	---



					4.600.000 đồng /1 đề án, báo cáo. - Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 1m <sup>3</sup> đến dưới 2m <sup>3</sup> /giây; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000kw đến dưới 2.000kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000m <sup>3</sup> đến dưới 50.000m <sup>3</sup> /ngày đêm. Mức thu 8.780.000 đồng /1 đề án, báo cáo.	doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái quy định một số loại phí, lệ phí tên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.
8	1.004167	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m <sup>3</sup> /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m <sup>3</sup> , hoặc lưu lượng khai thác từ 2m <sup>3</sup> /giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m <sup>3</sup> , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với	31 ngày làm việc	Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái Số 64, đường Lý Tự Trọng, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, qua một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Dịch vụ bưu chính công ích; - Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Yên Bái tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.yenbai.gov.vn">https://dichvucong.yenbai.gov.vn</a>	<b>Phí thẩm định:</b> <i>Khoản 10 Điều 2 Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái.</i> - Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng dưới 0,1m <sup>3</sup> /giây; hoặc để phát điện với công suất dưới 50kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 500m <sup>3</sup> /ngày đêm. Mức thu 315.000 đồng /1 đề án, báo cáo. - Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,1m <sup>3</sup> đến dưới 0,5m <sup>3</sup> /giây;	- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc

		lưu lượng khai thác dưới 5 m <sup>3</sup> /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm.			<p>hoặc để phát điện với công suất từ 50kw đến dưới 200kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500 m<sup>3</sup> đến dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm. Mức thu 940.000 đồng /1 đề án, báo cáo.</p> <p>- Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,5m<sup>3</sup> đến dưới 1m<sup>3</sup>/giây; hoặc để phát điện với công suất từ 200kw đến dưới 1.000kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3.000m<sup>3</sup> đến dưới 20.000m<sup>3</sup>/ngày đêm. Mức thu 2.300.000 đồng /1 đề án, báo cáo.</p> <p>-Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 1m<sup>3</sup> đến dưới 2m<sup>3</sup>/giây; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000kw đến dưới 2.000kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000m<sup>3</sup> đến dưới 50.000m<sup>3</sup>/ngày đêm. Mức thu 4.390.000 đồng /1 đề án, báo cáo.</p>	<p>lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái quy định một số loại phí, lệ phí tên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh</p>
9	1.004122	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô	21 ngày làm việc	Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái Số 64, đường	<p><b>Phí thẩm định:</b> 1.460.000 đồng/hồ sơ (tại khoản 9 Điều 2 Nghị quyết số 51/2023/NQ-</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2012;</p> <p>- Nghị định số 02/2023/NĐ-</p>

		vừa và nhỏ.	<p>Lý Tự Trọng, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, qua một trong các hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Dịch vụ bưu chính công ích;</li> <li>- Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Yên Bái tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.yenbai.gov.vn">https://dichvucong.yenbai.gov.vn</a></li> </ul>	<p><i>HĐND ngày 05/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái)</i></p>	<p>CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</li> <li>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</li> <li>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</li> <li>- Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về việc cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất;</li> </ul>
--	--	-------------	---	--	---

						<p>-Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái quy định một số loại phí, lệ phí tên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh</p>
10	2.001738	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	16 ngày làm việc	Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái Số 64, đường Lý Tự Trọng, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, qua một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Dịch vụ bưu chính công ích; - Trực tuyến trên Cổng	<b>Phí thẩm định:</b> 730.000 đồng/hồ sơ (tại khoản 9 Điều 2 Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái)	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2012;</p> <p>- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;</p> <p>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi</p>

				<p>Dịch vụ công tỉnh Yên Bái tại địa chỉ:  <a href="https://dichvucong.yenbai.gov.vn">https://dichvucong.yenbai.gov.vn</a></p>	<p>trường;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</li> <li>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</li> <li>- Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về việc cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất;</li> <li>- Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</li> </ul>
--	--	--	--	--	---

						trường; - Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái quy định một số loại phí, lệ phí tên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.
--	--	--	--	--	--	---

### III. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện
1	1.010727	Cấp giấy phép môi trường	- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường tối đa là <b>15 (mười lăm) ngày</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là <b>05 (năm) ngày</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ) đối với các trường hợp sau đây: + Dự án đầu tư, cơ sở	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái, địa chỉ: Số 64, đường Lý Tự Trọng, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái; - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Yên Bái tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.yenbai.gov.vn">https://dichvucong.yenbai.gov.vn</a>	<b>Phí thẩm định:</b> <i>Tại khoản 11 Điều 2 Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của HĐND tỉnh Yên Bái:</i> <b>1. Các dự án/cơ sở nhóm II thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân tỉnh:</b> - Thuộc danh mục loại hình sản xuất,	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của	<i>Nộp hồ sơ:</i> - <b>Trực tuyến trên Cổng dịch vụ công tỉnh Yên Bái</b> (bắt buộc đối với các trường hợp sau đây: + Dự án đầu tư, cơ sở không phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; + Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện
			<p>không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;</p> <p>+ Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.</p> <p>- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường tối đa là <b>25 (hai lăm) ngày</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ</p>		<p><i>kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường:</i> 22.100.000 đồng /giấy phép/dự án</p> <p>- <i>Không thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường:</i> 20.400.000 đồng /giấy phép/dự án.</p> <p><b>2. Các dự án/cơ sở nhóm III thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân tỉnh:</b></p> <p>- <i>Thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường:</i> 14.300.000 đồng</p>	<p>Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Quyết định số 87/14/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung, thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về việc quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>	<p>nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).</p> <p>- <b>Trực tiếp hoặc qua Bưu chính công ích</b></p> <p><i>Trả kết quả giải quyết thủ tục</i></p>

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện
			<p>sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là <b>10 (mười) ngày</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ) đối với các trường hợp còn lại.</p> <p>- Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.</p>		<p>/giấy phép/dự án</p> <p>- Không thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường: 13.200.000 đồng /giấy phép/dự án.</p>		<p>hành chính: trực tuyến; trực tiếp hoặc qua Bưu chính công ích</p>
2	1.010729	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	<p>- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: không quy định.</p> <p>- Thời hạn kiểm tra, cấp điều chỉnh giấy phép môi trường: tối đa <b>15 (mười lăm) ngày</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p> <p>Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan</p>	<p>Nộp hồ sơ trực tiếp tại: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái, địa chỉ: Số 64, đường Lý Tự Trọng, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái;</p> <p>- Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Yên Bái tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.yenbai.gov.vn">https://dichvucong.yenbai.gov.vn</a></p>	<p><b>Phí thẩm định:</b></p> <p>Tại khoản 11 Điều 2 Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của HĐND tỉnh Yên Bái:</p> <p>1. Các dự án/cơ sở nhóm II thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân tỉnh:</p>	<p>- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;</p> <p>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>	<p>- Nộp hồ sơ: Trực tuyến trên Cổng dịch vụ công tỉnh Yên Bái</p> <p>- Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Trực tuyến</p>



TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện
			cấp phép.		<p>- Thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường: 11.050.000 đồng /giấy phép/dự án</p> <p>- Không thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường: 10.200.000 đồng /giấy phép/dự án</p> <p><b>2. Các dự án/cơ sở nhóm III thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân tỉnh:</b></p> <p>- Thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường:</p>	<p>trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về việc quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh</p>	

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện
					<p>trường: 7.150.000 đồng /giấy phép/dự án</p> <p>- Không thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường: 6.600.000 đồng /giấy phép/dự án</p>		
3	1.010730	Cấp lại giấy phép môi trường	<p>- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: không quy định.</p> <p>- Thời hạn kiểm tra, cấp lại giấy phép môi trường:</p> <p>+ Tối đa <b>20 (hai mươi)</b> ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp:</p> <p>++ Giấy phép hết hạn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi hết hạn 06 tháng;</p> <p>++ Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có bố</p>	<p>Nộp hồ sơ trực tiếp tại: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái, địa chỉ: Số 64, đường Lý Tự Trọng, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái</p> <p>Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Yên Bái tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.yenbai.gov.vn">https://dichvucong.yenbai.gov.vn</a></p>	<p><b>Phí thẩm định:</b></p> <p>Tại khoản 11 Điều 2 Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của HĐND tỉnh Yên Bái:</p> <p><b>I. Các dự án/cơ sở nhóm II thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân tỉnh:</b></p> <p>- Thuộc danh mục loại hình sản xuất,</p>	<p>- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;</p> <p>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số</p>	<p>Nộp hồ sơ:</p> <p>- <b>Trực tuyến trên Cổng dịch vụ công tỉnh Yên Bái</b> (bắt buộc <u>đối với các trường hợp sau đây</u>:</p> <p>+ Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;</p> <p>+ Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối</p>

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện
			<p>sung ngành, nghề thu hút đầu tư gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện thu hút đầu tư các ngành, nghề đó (trừ trường hợp ngành, nghề hoặc dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đó khi đi vào vận hành không phát sinh nước thải công nghiệp phải xử lý để bảo đảm đạt điều kiện tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung);</p> <p>+ Tối đa <b>25 (hai lăm)</b> ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp:</p> <p>++ Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ sản xuất (trừ trường hợp dự án đầu tư thay đổi thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường) gửi hồ sơ đề</p>		<p><i>kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường:</i> 22.100.000 đồng /<i>giấy phép/dự án</i></p> <p>- <i>Không thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường:</i> 20.400.000 đồng /<i>giấy phép/dự án</i></p> <p><b>2. Các dự án/cơ sở nhóm III thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân tỉnh:</b></p> <p>- <i>Thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường:</i> 14.300.000 đồng</p>	<p>điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Quyết định số 87/14/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung, thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về việc quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh</p>	<p>nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).</p> <p>- <b>Trực tiếp hoặc qua Bru chính công ích</b></p>

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện
			<p>ngợi cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc tăng, thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường;</p> <p>++ Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có thay đổi tăng số lượng nguồn phát sinh nước thải, bụi, khí thải làm phát sinh các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; phát sinh thêm thông số ô nhiễm mới vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng lưu lượng nước thải, bụi, khí thải làm gia tăng hàm lượng các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng mức độ ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; thay đổi nguồn tiếp nhận</p>		<p>/giấy phép/dự án</p> <p>- Không thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường: 13.200.000 đồng /giấy phép/dự án.</p>		<p>Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: trực tuyến; trực tiếp hoặc qua Bưu chính công ích</p>

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	<i>Phí, lệ phí (nếu có)</i>	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện
			<p>nước thải và phương thức xả thải vào nguồn nước có yêu cầu bảo vệ nghiêm ngặt hơn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường (trong đó, tối đa 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp sau đây:</p> <p>+++ Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;</p> <p>+++ Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm</p>				

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện
			<p>môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).</p> <p>Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.</p>				
4	1.010733	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	<p>Tổng thời gian giải quyết thủ tục hành chính: tối đa <b>50 (năm mươi) ngày</b>, cụ thể như sau:</p> <p>- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ:</p> <p>Không quy định.</p> <p>- Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: Tối đa là <b>30 (ba mươi) ngày</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động</p>	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái, địa chỉ: Số 64, đường Lý Tự Trọng, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.</p> <p>- Nộp trực tuyến đến Cổng thông tin Dịch vụ công tỉnh Yên Bái tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.yenbai.gov.vn">https://dichvucong.yenbai.gov.vn</a></p>	<p><b>Phí thẩm định:</b></p> <p>Tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của HĐND tỉnh Yên Bái</p>	<p>- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;</p> <p>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết</p>	<p>Nộp hồ sơ:</p> <p>- <b>Trực tuyến, trực tiếp hoặc qua Bưu chính công ích</b></p> <p>Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: trực tuyến, trực tiếp hoặc qua Bưu chính công ích</p>

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện
			<p>môi trường của các dự án đầu tư nhóm II quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 4 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định của UBND tỉnh (quy định tại khoản 3 Điều 35 của Luật Bảo vệ môi trường).</p> <p>- Thời điểm thông báo kết quả:</p> <p>Trong thời hạn thẩm định.</p> <p>- Thời hạn phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: tối đa <b>20 (hai mươi) ngày</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p> <p>Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.</p>			<p>thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Quyết định số 87/14/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung, thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về việc quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh</p>	

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện
5	1.010735	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	<p>- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Không quy định.</p> <p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Tối đa <b>30 (ba mươi) ngày</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p> <p>- Thời hạn phê duyệt hồ sơ: Tối đa <b>15 (mười lăm) ngày</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p>	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái, địa chỉ: Số 64, đường Lý Tự Trọng, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.</p> <p>- Nộp trực tuyến đến Cổng thông tin Dịch vụ công tỉnh Yên Bái tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.yenbai.gov.vn">https://dichvucong.yenbai.gov.vn</a></p>	<p><b>Phí thẩm định:</b> Tại khoản 6 Điều 2 Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của HĐND tỉnh Yên Bái</p>	<p>- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;</p> <p>- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;</p> <p>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Quyết định số 2787/QĐ-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành</p>	<p>Nộp hồ sơ:</p> <p>- <b>Trực tiếp, trực tuyến hoặc qua Bru chính công ích</b></p> <p>Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: trực tiếp, trực tuyến hoặc qua Bru chính công ích</p>



TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện
						<p>chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường và lĩnh vực tài nguyên nước; sửa đổi Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022;</p> <p>- Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về việc quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>	

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung



## DANH MỤC

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG CÁC LĨNH VỰC: TÀI NGUYÊN NƯỚC; ĐẤT ĐAI**  
**THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ TỈNH YÊN BÁI**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)*

## I. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện
1	1.010723	Cấp giấy phép môi trường	- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường tối đa là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó, thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ) đối với các trường hợp sau đây: + Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;	Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp huyện Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Yên Bái tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.yenbai.gov.vn">https://dichvucong.yenbai.gov.vn</a>	<b>Phí thẩm định:</b> Tại khoản 11 Điều 2 Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của HĐND tỉnh Yên Bái: 1. Thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường: 9.100.000 đồng /giấy phép/dự án. 2. Không thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường: 8.400.000 đồng /giấy phép/dự án.	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về việc quy định một số loại	<b>Nộp hồ sơ:</b> - <b>Trực tuyến trên Cổng dịch vụ công tỉnh Yên Bái</b> (bắt buộc đối với các trường hợp sau đây: + Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; + Dự án đầu tư, cơ sở đầu nổi nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện
			<p>+ Dự án đầu tư, cơ sở đầu nổi nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.</p> <p>- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường tối đa là <b>25 (hai lăm) ngày</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó, thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung</p>			<p><i>phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</i></p>	<p>ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).</p> <p><b>- Trực tiếp hoặc qua Bru chính công ích</b></p> <p><i>Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</i> trực tuyến; trực tiếp hoặc qua Bru chính công ích.</p>

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện
			<p>theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là <b>05 (năm) ngày</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ) đối với các trường hợp còn lại.</p> <p>Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.</p>				
2	1.010725	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	<p>- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: Không quy định.</p> <p>- Thời hạn kiểm tra, cấp điều chỉnh giấy phép môi trường: tối đa <b>12 (mười hai) ngày</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p> <p>Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.</p>	Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp huyện nơi triển khai dự án Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Yên Bái tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.yenbai.gov.vn">https://dichvucong.yenbai.gov.vn</a>	<b>Phí thẩm định:</b> Tại khoản 11 Điều 2 Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của HĐND tỉnh Yên Bái: 1. Thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường: 4.550.000 đồng /giấy phép/dự án 2. Không thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo	- <i>Nộp hồ sơ:</i> Trực tuyến trên Cổng dịch vụ công tỉnh Yên Bái - <i>Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</i> Trực tuyến

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện
					nhiễm môi trường: 4.200.000 đồng /giấy phép/dự án	vệ môi trường. - Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về việc quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.	
4	1.010726	Cấp lại giấy phép môi trường	- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: Không quy định. - Thời hạn kiểm tra, cấp lại giấy phép môi trường: + Tối đa <b>20 (hai mươi)</b> ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp: ++ Giấy phép hết hạn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi hết hạn 06 tháng. + Tối đa <b>25 (hai lăm)</b> ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp	Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp huyện nơi triển khai dự án Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Yên Bái tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.yenbai.gov.vn">https://dichvucong.yenbai.gov.vn</a>	<b>Phí thẩm định:</b> Tại khoản 11 Điều 2 Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của HĐND tỉnh Yên Bái: 1. Thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường: 9.100.000 đồng /giấy phép/dự án 2. Không thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường: 8.400.000 đồng /giấy phép/dự án	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày	Nộp hồ sơ: - <b>Trực tuyến trên Cổng dịch vụ công tỉnh Yên Bái</b> (bắt buộc đối với các trường hợp sau đây: + Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; + Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất,

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện
			<p>lệ đối với trường hợp:            ++ Dự án đầu tư, cơ sở            tăng quy mô, công suất,            thay đổi công nghệ sản            xuất (trừ trường hợp dự án            đầu tư thay đổi thuộc đối            tượng phải thực hiện đánh            giá tác động môi trường)            gửi hồ sơ đề nghị cấp lại            giấy phép môi trường            trước khi thực hiện việc            tăng, thay đổi và chỉ được            triển khai thực hiện sau khi            được cấp giấy phép môi            trường;</p> <p>++ Dự án đầu tư, cơ sở            có thay đổi tăng số            lượng nguồn phát sinh            nước thải, bụi, khí thải            làm phát sinh các thông            số ô nhiễm vượt quy            chuẩn kỹ thuật môi            trường về chất thải;            phát sinh thêm thông số            ô nhiễm mới vượt quy            chuẩn kỹ thuật môi            trường về chất thải;            tăng lưu lượng nước            thải, bụi, khí thải làm</p>			<p>05/10/2023 của Hội đồng            nhân dân tỉnh Yên Bái về            việc quy định một số loại            phí, lệ phí trên địa bàn            tỉnh Yên Bái thuộc thẩm            quyền quyết định của Hội            đồng nhân dân tỉnh.</p>	<p>kinh doanh, dịch vụ            tập trung, cụm            công nghiệp và đáp            ứng các yêu cầu            sau đây: không            thuộc loại hình sản            xuất, kinh doanh,            dịch vụ có nguy cơ            gây ô nhiễm môi            trường; không            thuộc trường hợp            phải quan trắc khí            thải tự động, liên            tục, quan trắc định            kỳ theo quy định            tại Nghị định số            08/2022/NĐ-CP).  <b>- Trực tiếp hoặc            qua Bru chính            công ích</b>  <i>Trả kết quả giải            quyết thủ tục hành            chính:</i> trực tuyến;            trực tiếp hoặc qua            Bru chính công            ích.</p>

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện
			<p>gia tăng hàm lượng các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng mức độ ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; thay đổi nguồn tiếp nhận nước thải và phương thức xả thải vào nguồn nước có yêu cầu bảo vệ nghiêm ngặt hơn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường (trong đó, tối đa 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp sau đây:</p> <p>+++ Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;</p> <p>+++ Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ</p>				

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện
			<p>thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).</p> <p>Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.</p>				

## II. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	2.000381	Giao đất, cho thuê đất cho các hộ gia đình	Đối với các xã, phường thuộc thành phố Yên Bái, các phường thuộc	Nộp hồ sơ tại Phòng Tài nguyên và Môi trường (đối với những	<i>Phí thẩm định hồ sơ theo khoản 7 Điều 2 Nghị quyết số</i>	- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;



TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất	thị xã Nghĩa Lộ và các thị trấn thuộc huyện: Trong thời hạn không quá 20 ngày làm việc; - Đối với các xã còn lại: Trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc.	địa phương đã đưa ra tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính tại Bộ phận phục vụ hành chính công cấp huyện thì nộp hồ sơ tại Bộ phận phục vụ hành chính công).	51/2023/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</li> <li>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</li> <li>- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;</li> <li>- Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh Yên Bái ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 và Nghị định số 148/2020 ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</li> </ul>

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						<p>- Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai ban hành kèm theo Quyết định số 15/2021/NĐ-CP ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái;</p> <p>- Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 05/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh</p>

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung